

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 27/7/2022
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Định**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Việt Hà**

Bà **Hoàng Thị Thái**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thào Thị Thu Nhân** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Năng**, là Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hà Thị M**; địa chỉ: Số nhà AA, tổ dân phố BB, phường Him L1, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. *Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Bị đơn: Ông **Vũ Đức L**; địa chỉ: Số nhà CC, tổ dân phố BB, phường Him L1, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. *Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2022, trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Hà Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị M và ông Vũ Đức L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Th, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên vào ngày 07 tháng 10 năm 2010. Sau

khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng tại tổ dân phố DD, phường Mường T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Đến năm 2020 vợ chồng bà chuyển đến sinh sống và làm ăn tại số nhà CC, tổ dân phố BB, phường Him L1, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Quá trình chung sống tại địa bàn tổ dân phố BB, phường Him L1, thành phố Điện Biên P vợ chồng bà M - ông L đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, nhiều lúc dẫn đến xô xát, xúc phạm nhau. Ông L thường xuyên đánh đập bà M, mặc dù bà đã nhẫn nhịn cho qua vì gia đình nhiều lần và cũng vì sợ do bản thân chỉ có một thân một mình tại Điện Biên, bố mẹ cùng người thân của bà đều ở dưới quê nên bà phải chịu đựng. Tuy nhiên những mâu thuẫn của vợ chồng bà M chỉ xảy ra trong gia đình, chứ chưa có lần nào phải yêu cầu đến lãnh đạo tổ dân phố, phường tổ chức hòa giải. Cho đến ngày 11/6/2022 ông L tiếp tục đánh bà M nên bà đã báo tổ dân phố và trình báo sự việc bạo lực gia đình tại cơ quan công an phường Him L1. Hiện vợ chồng bà đã sống ly thân, bà M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Vũ Đức L.

- Về quan hệ con chung: Bà M và ông L có hai con chung là cháu Vũ Hà Đức B, sinh ngày 18/9/2010 và Vũ Kim Ng, sinh ngày 14/9/2014. Nếu ly hôn, bà M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung, các cháu cũng đều có nguyện vọng được ở với bà M, và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện bà M đang làm giáo viên tại Trường mầm non xã Núa N, huyện Điện B1, tỉnh Điện Biên thu nhập ổn định từ lương khoảng 7.800.000 đồng/01 tháng; có nơi cư trú ổn định nên đủ điều kiện đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

- Về quan hệ tài sản và nợ: Không có.

2. Đối với bị đơn: Ông Vũ Đức L không trả lời thông báo thụ lý vụ án; không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị M đối với ông Vũ Đức L theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Giao hai con chung cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện bà M về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà. Bà M phải chịu án phí dân sự sơ

thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 21/01/2022, bà Hà Thị Mai nộp đơn khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên đối với ông Vũ Đức L; ngày 25/4/2022, bà M nộp cho Tòa án biên lai thu tạm ứng án phí. Cùng ngày 25/4/2022, Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà M theo quy định tại Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà M và ông L cùng cư trú tại địa bàn thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên nên yêu cầu "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" của bà M đối với ông L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các vấn đề khác: Nguyên đơn bà Hà Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn ông Vũ Đức L đã được Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 ; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị M, sinh năm 1986 và ông Vũ Đức L, sinh năm 1989 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 07/10/2010. Khi kết hôn bà M và ông L đều đã hơn 20 tuổi, đủ điều kiện kết hôn và không thuộc những trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (*có hiệu lực ở thời điểm kết hôn*) nên hôn nhân giữa bà Mai và ông L là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn và tình trạng hôn nhân:

Bà M cho rằng, sau khi kết hôn, vợ chồng bà nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, ông L còn thường xuyên đánh đập bà M, gần nhất là vào ngày 11/6/2022 ông L tiếp tục đánh bà M nên bà đã báo tổ dân phố và trình báo sự việc bạo lực gia đình tại cơ quan công an phường Him L1. Bà M và ông L hiện đã sống ly thân. Xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Vũ Đức L.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của bà M và tại biên bản xác minh ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, Lãnh đạo tổ dân phố BB, phường Him L1 xác nhận: Bà M và ông L về sinh sống tại địa bàn tổ dân phố từ năm 2020, nhưng không đăng ký hộ khẩu thường trú mà chỉ tạm trú và ở tại quán sửa xe tại tổ dân phố. Quá trình sinh sống tại địa bàn, do mâu thuẫn của vợ chồng bà M - ông L chỉ xảy ra âm ỉ trong gia đình nên tổ dân phố cũng không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn và chưa có lần nào phải yêu cầu đến lãnh đạo tổ dân phố, phường can thiệp hay tổ chức hòa giải. Ngày 11/6/2022, ông L có hành vi xô xát và đánh bà M nên bà M đã trình báo tại tổ dân phố và trình báo sự việc bạo lực gia đình tại cơ quan công an phường Him L1. Cơ quan công an đã gọi ông L lên làm việc và tổ dân phố cũng đã gặp gỡ hai vợ chồng để khuyên giải, động viên hai người.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích để hòa giải động viên vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, ông L vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại các phiên tòa, điều đó thể hiện ông L không có thiện chí trong việc giải quyết vụ án và tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình trước Hội đồng xét xử.

Xét thấy, là vợ chồng lẽ ra ông L và bà M phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, phải có thái độ tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Tuy nhiên, ông L và bà M đã không tìm được tiếng nói do các bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi vã, xảy ra tình trạng bạo lực gia đình, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng hiện đã sống ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy có cơ sở xác định cuộc hôn nhân giữa bà M và ông L không còn hạnh phúc, không thể kéo dài, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông L.

2.2. Về quan hệ con chung: Bà M và ông L có hai con chung là cháu Vũ Hà Đức B, sinh ngày 18/9/2010 và Vũ Kim N, sinh ngày 14/9/2014. Quá trình giải quyết vụ án, bà M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện bà M đang làm giáo viên tại Trường mầm non xã Núa Ng, huyện Điện B1, thu nhập ổn định từ

lương khoảng 7.800.000 đồng/01 tháng; có nơi cư trú ổn định nên đủ điều kiện đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

Việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, để các con được phát triển bình thường; Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của bà M là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu B và cháu N, đảm bảo lợi ích về mọi mặt cho các cháu, không làm ảnh hưởng đến việc sinh sống, học tập ổn định của con, không trái với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu B và cháu N.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 5, 8, 9, khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị M về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" đối với ông Vũ Đức L, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị M được ly hôn ông Vũ Đức L.

2. Về quan hệ con chung: Bà Hà Thị M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Vũ Hà Đức B, sinh ngày 18/9/2010 và cháu Vũ Kim N, sinh ngày 14/9/2014 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác.

Bà Hà Thị M không yêu cầu ông Vũ Đức L cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Hà Thị M phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001892 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND TP Điện Biên Phủ;
- Chi cục THADS TP Điện Biên Phủ;
- UBND phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa

Nguyễn Văn Định

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định;
Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Thành và bà Nguyễn Thị Việt Hà.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 148/2021/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lường Văn Thành**; địa chỉ: Bản Sáng, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Bị đơn: Bà **Lò Thị Ong**; địa chỉ: Bản Che Cẩn, xã Mường Phăng, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật có liên quan;

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, 8, 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" của ông Lường Văn Thành :

- *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa ông Lường Văn Thành và bà Lò Thị Ong.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

- *Về con*: Ông Lường Văn Thành được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Lường Thị Linh - sinh ngày 06/7/2009 và Lường Thị Nhi - sinh ngày 12/5/2011; không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

- *Về tài sản và nợ*: Không đề cập giải quyết.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

- *Về án phí*: Ông Lường Văn Thành chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền

300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001601 ngày 28/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

2. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

3. Thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

Việc nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 14 tháng 9 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Định